TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-3-2025.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng**.

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

- **Thư ký phiên tòa***:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Trần Việt Tú – kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HN ngày 12/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.
- Bị đơn: Phạm Hoàng P, sinh năm 1996 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày**:

Tôi và anh Phạm Hoàng P sống chung với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 10/6/2016, thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên tình cảm không còn, hiện nay tôi và anh P đã sống ly thân, tôi về nhà cha mẹ ruột tôi sinh sống. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Hoàng P.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Hoàng T, sinh ngày 23/4/2018. Hiện nay con chung đang sống chung với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu aanh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Hoàng P đã được tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P không đến và cũng không có ý kiến trình bày.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây có ý kiến**:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh P. Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng T, sinh ngày 23/4/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phúc vắng mặt xét xử nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chi L, anh P.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P sống chung với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh T vào ngày 10/6/2016. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, hiện nay chị L và anh P đã sống ly thân không còn sống chung. Anh P đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh P không đến, xem như anh P đã không có mong muốn được hàn gắn tình cảm với chị L nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh P.

[4].Về con chung: Đối với cháu Phạm Hoàng T, sinh ngày 23/4/2018 hiện nay đang sống chung với chị L, do chị L đang chăm sóc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi

dưỡng để đảm bảo sự ổn định của con chung nên việc chị Linh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu anh Phúc cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Phạm Hoàng P.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Hoàng T, sinh ngày 23/4/2018 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Phạm Hoàng P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

***Về án phí Hôn nhân sơ thẩm**: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0009714 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T được cấn trừ nên xem như chị L đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thanh Trinh

* *Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- UBND xã B, huyện G, TG;
- Lưu hồ sơ.